

Bản án số: 04/2021/KDTM-PT

Ngày: 01/4/2021

"Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán:

Ông **Vũ Thanh Tuấn**

Bà **Phạm Thị Khánh Thiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hiền** - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Thơm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 1/4/2021 tại Trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 03/2020/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2020; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 08/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT ngày 27/01/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 17/3/2021; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 02/2021/TB-TA ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV sản xuất và dịch vụ P.

Địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc Công ty. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T1 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T. Địa chỉ: Thành phố Hải Dương, Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH D Việt Nam.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp A mở rộng thuộc địa phận thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Kim Young J, sinh năm 1969, chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1993. Chức vụ: Nhân viên hành chính của Công ty TNHH D Việt Nam. Có mặt.

Địa chỉ: huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Ông Phạm Khắc D1 – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Á Đông. Địa chỉ: Tp. Hải Dương. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH D Việt Nam. Địa chỉ: Khu Công nghiệp A mở rộng thuộc địa phận thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: ông Kim Young J, sinh năm 1969, chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1993. Chức vụ: Nhân viên hành chính của Công ty TNHH D Việt Nam. Địa chỉ: huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày: Ngày 12/02/2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất và dịch vụ P (gọi tắt là Công ty P) ký kết hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT (Gọi tắt: Hợp đồng kinh tế số 03) với Công ty trách nhiệm hữu hạn D Việt Nam (gọi tắt là Công ty D). Hai bên thống nhất thỏa thuận về nội dung hợp đồng như sau: Công ty P mua bán, thu gom, bốc xếp, vận chuyển chất thải công nghiệp bao gồm các chất thải như sắt phế liệu, bìa carton, giấy văn phòng, nhựa dẻo, nilong, đồng đỏ, nhôm, inox, rác thải công nghiệp. Thời gian thực hiện hợp đồng là 10 năm: Từ ngày 12/02/2011 đến ngày 12/02/2021, trường hợp hết thời gian trên mà hai bên vẫn có nhu cầu phục vụ thì hợp đồng sẽ tự động gia hạn. Trách nhiệm của hai bên: Công ty D tạo điều kiện cho công ty P vào nhà máy mua bán, thu gom, bốc xếp phế thải công nghiệp, công ty D không tự ý cho, bán rác thải cho bất kỳ tổ chức nào khác mà chưa được công ty P đồng ý. Về phương thức thanh toán và giao nhận: Công ty D giao hàng cho công ty P tại kho của công ty D, khối lượng mua bán của công ty D làm cơ sở để

công ty P thanh toán, sau khi cân và làm thủ tục mở tờ khai hải quan, bên công ty P thanh toán cho công ty D chậm nhất là 10 ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Khi thực hiện hợp đồng, mọi sự thay đổi đều phải thông báo cho nhau biết trước 30 ngày bằng văn bản, có vướng mắc thì cùng nhau thỏa thuận, bên nào đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn, gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo giá trị hợp đồng là 300.000.000đ/năm.

Trong hợp đồng không có thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng.

Từ năm 2011 đến năm 2018, hai bên phối kết hợp rất tốt, tuy nhiên đến ngày 05/11/2018 công ty D có gửi gmail thông báo tới công ty P về việc tạm dừng vào lấy phế liệu chờ phân loại xử lý, sau đó sẽ thông báo lại cho công ty P trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, đến nay gần một năm công ty D không tiếp tục cho công ty P vào thu gom mà không đưa ra bất kỳ một lý do nào. Công ty P rất hợp tác và mong muốn được tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng công ty D không nhất trí. Công ty P đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, tại phiên tòa công ty D có ý kiến muốn đàm phán lại và cùng tiếp tục thực hiện hợp đồng nên công ty P đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi công ty P rút đơn khởi kiện, công ty D không có động thái gì thể hiện thiện chí cùng đàm phán tiếp tục thực hiện hợp đồng, thậm chí công ty P đã nhiều lần sang công ty D để trao đổi nhưng công ty D từ chối gặp. Do vậy, công ty P khởi kiện công ty D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết: Tuyên bố công ty D đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 03 và phải có trách nhiệm bồi thường cho công ty P số tiền 675.000.000đ. Những căn cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường trên là hợp pháp là điều 5 của hợp đồng kinh tế số 03. Công ty P không có lỗi trong việc công ty D đơn phương chấm dứt hợp đồng. Theo hợp đồng đã ký, mức bồi thường thiệt hại khi một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng là 300.000.000đ một năm, mỗi tháng là 25.000.000đ. Thời gian công ty D chấm dứt trước khi hợp đồng hết hạn là 27 tháng nên tổng số tiền là 675.000.000đ. Cụ thể $[(300.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 27 \text{ tháng} = 675.000.000đ]$.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn trình bày: Ngày 12/02/2011, Công ty D có ký kết hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT với công ty P. Người ký tên trên hợp đồng là giám đốc điều hành của công ty D giai đoạn năm 2011, con dấu đóng trên hợp đồng cũng là dấu của công ty. Tại thời điểm này, công ty không còn lưu trữ được hợp đồng gốc. Mặc dù công ty D không có hợp đồng kinh tế nhưng vẫn thực hiện theo nội

dung thỏa thuận với công ty P trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến tháng 11/2018. Hai bên không vi phạm điều khoản nào của hợp đồng nêu trên. Tuy nhiên, do cơ chế thay đổi, trong các loại phế liệu mà công ty P vẫn thu gom có loại nhựa Bavaria bị nhiễm dầu nên chuyển sang mã chất thải độc hại. Công ty D đã thông báo bằng văn bản cho công ty P không vào thu gom phế liệu như đã thỏa thuận trước đó nữa. Nay, công ty P khởi kiện công ty D, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng tuyên bố công ty D đơn phương chấm dứt hợp đồng và bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng, quan điểm của công ty D như sau: Công ty D không đơn phương chấm dứt hợp đồng mà chỉ tạm dừng thực hiện hợp đồng bởi những phế liệu mà công ty P vẫn thu gom có loại Bavaria bị nhiễm dầu nên chuyển sang mã chất thải độc hại. Mặc dù các hạng mục khác không thay đổi nhưng công ty D vẫn muốn tạm dừng hợp đồng vì: Công ty D không còn tin tưởng cách thức làm việc của công ty P, khi có bất đồng quan điểm hai công ty không ngồi đàm phán với nhau để giải quyết mà công ty P có những việc làm đã ảnh hưởng đến tinh thần của lãnh đạo công ty; nội dung trong hợp đồng kinh tế không còn phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay nên không thể tiếp tục thực hiện; phía công ty P vẫn còn nợ tiền thanh toán phế liệu cho công ty D. Sau khi công ty P rút đơn khởi kiện, công ty D chưa đàm phán được với công ty P là do lãnh đạo của công ty D đi vắng.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 675.000.000đ, công ty D không đồng ý với lý do: yêu cầu này của công ty P không phù hợp với quy định của pháp luật, công ty D không đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 03 nên không có trách nhiệm bồi thường số tiền trên.

Sau đó, công ty D thay đổi lời khai và cho rằng công ty D không đơn phương chấm dứt hợp đồng nêu trên mà chỉ tạm ngừng không xuất phế liệu cho công ty P là vì: Công ty P còn nợ công ty D 106.677.999đồng từ tháng 12 năm 2018 đến nay; Công ty D cần thời gian để phân loại phế liệu theo tiêu chuẩn, kiến nghị của Phòng cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hải Dương; Công ty P không phải là đơn vị xử lý rác thải nguy hại, không được cấp phép xử lý rác thải độc hại; Công ty P cho xe và người đến công ty D chặn cổng, gây rối làm mất an ninh trật tự trong một buổi sáng gây ứ đọng phế liệu, hàng hoá, làm thiệt hại, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của công ty D, ảnh hưởng hình tượng của công ty khiến cho lãnh đạo công ty D thấy bất an. Công ty D chưa yêu cầu công ty P bồi thường thiệt hại nêu trên. Hiện tại, công ty D đã ký kết hợp đồng với công ty có năng lực hơn để thu gom phế thải của công ty.

Về hợp đồng kinh tế số 03: thời điểm ký kết không có phụ lục số 01 ngày 21-01-2011, phụ lục này có trước thời điểm ký Hợp đồng kinh tế số 03 ngày 12-02-2011. Hợp đồng kinh tế không tuân thủ đúng về mặt hình thức: Hợp đồng kinh tế được ký kết với người nước ngoài là đại diện theo pháp luật của Công ty nước ngoài nhưng không có bản tiếng Anh, còn bản tiếng Việt không có người phiên dịch, trong phần cuối của hợp đồng kinh tế lại không thiết lập cụ thể hợp đồng được lập thành mấy thứ tiếng. Phụ lục hợp đồng và hợp đồng không liên quan đến nhau. Nội dung của hợp đồng không còn phù hợp về giá cả ở thời điểm hiện tại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, công ty D có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của công ty P. Công ty D đề nghị Tòa án buộc công ty P phải hoàn trả cho công ty D số tiền còn nợ là 106.677.999đ, không yêu cầu thanh toán lãi. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố là hợp pháp là biên bản đối chiếu công nợ giữa hai công ty được thiết lập vào ngày 11/3/2019.

Quan điểm của công ty P đối với yêu cầu phản tố của công ty D: Công ty P thừa nhận còn nợ công ty D số tiền 106.677.999đ theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hai công ty được thiết lập vào ngày 11/3/2019. Công ty P rất muốn thanh toán số tiền trên cho công ty D nhưng do công ty D đơn phương chấm dứt hợp đồng và không đàm phán trở lại với P nên công ty P chưa thanh toán được số tiền trên cho công ty D.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng đã áp dụng: Điều 24; Điều 50; Điều 301; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 422; khoản 3 Điều 428; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 200; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH một thành viên sản xuất và dịch vụ P về việc: Tuyên bố công ty TNHH D Việt Nam đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT ngày 12/02/2011 với công ty TNHH một thành viên sản xuất và dịch vụ P.

2. Buộc công ty TNHH D Việt Nam phải bồi thường cho công ty TNHH một thành viên sản xuất và dịch vụ P do đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT ngày 12/02/2011 số tiền: 675.000.000đ (bằng chữ: sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty TNHH D Việt Nam. Buộc công ty TNHH một thành viên sản xuất và dịch vụ P phải hoàn trả cho công ty TNHH

D Việt Nam số tiền 106.677.999đồng (bằng chữ: Một trăm linh chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Ngoài ra bản án còn xử lý về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2019 ông Phạm Văn D – đại diện ủy quyền của công ty D kháng cáo và ngày 25/11/2019 VKSND huyện Cẩm Giàng kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Tại cấp phúc thẩm, công ty P xuất trình bản gốc Biên bản hủy hợp đồng kinh tế ngày 28/10/2011 (Gọi tắt: Biên bản hủy hợp đồng) và bản gốc Hợp đồng kinh tế số 02/2011/HĐKT ngày 21/01/2011 (Gọi tắt: Hợp đồng kinh tế số 02), công ty D xuất trình bản sao Hợp đồng kinh tế số 02/2011/HĐKT ngày 21/01/2011 (Gọi tắt: Hợp đồng kinh tế số 02).

Ngày 04/8/2020, ông Phạm Văn D – đại diện ủy quyền của công ty D có đơn đề nghị TAND tỉnh Hải Dương trưng cầu giám định tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an và xác định tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định.

Kết luận giám định số 307/C09-P5 ngày 05/11/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an (Gọi tắt: Kết luận giám định số 307) kết luận:

- Chữ ký đứng tên LEE SANG H trên các mẫu cần giám định tại Hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT ngày 12/02/2011 so với chữ ký LEE SANG H trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên HAN SEONG S trên mẫu cần giám định tại Biên bản hủy hợp đồng kinh tế ngày 28/10/2011 so với chữ ký HAN SEONG S trên mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

- Xác định nội dung nguyên thủy đã bị che phủ tại Biên bản hủy hợp đồng kinh tế ngày 28/10/2011: Tại vị trí chữ số “2” trong số “02”, số “21”, chữ số “1” tại dòng chữ thứ 24 lần lượt là: “3”, “12”, “2”. Tại vị trí chữ số “3” trong số “03”, số “12” tại dòng chữ thứ 26 lần lượt là: “2”, “21”. Tại vị trí số “02” tại dòng chữ thứ 27 là “01”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho công ty D và người đại diện theo ủy quyền cho công ty D là ông Phạm Văn D có mặt trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo, công ty D không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên xử công ty D đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT ngày 12/02/2011 với công ty P; công ty D đề nghị hủy phần bản án sơ thẩm tuyên công ty D phải hoàn trả cho công ty P số tiền 675.000.000đ do đơn phương

chấm dứt hợp đồng và giữ nguyên phần bản án sơ thẩm tuyên công ty P phải hoàn trả cho công ty D số tiền 106.677.999đ.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho công ty P có mặt, có bài phát biểu, về việc giám định chữ ký nhưng chưa giám định con dấu của công ty D nên chưa có căn cứ đánh giá khách quan Hợp đồng kinh tế số 03 là giả mạo. Người đại diện theo pháp luật của công ty P là ông Lưu Văn T có mặt, trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (VKSND) rút nội dung kháng nghị, đề nghị HĐXX đình chỉ đối với việc rút kháng nghị này: Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán, HĐXX, Thư ký về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý đến khi xét xử; về các đương sự thì cơ bản chấp hành quy định của BLTTDS. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX TAND tỉnh Hải Dương căn cứ Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Hủy bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của TAND huyện Cẩm Giàng; giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện Cẩm Giàng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Hoàn trả công ty D tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Kháng cáo của Công ty D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng trong thời gian luật định nên việc kháng cáo và kháng nghị là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của Công ty D thì thấy:

[1] Tại cấp phúc thẩm, cả công ty P và công ty D đều xuất trình các tài liệu mới. HĐXX nhận thấy, cấp sơ thẩm buộc công ty D phải bồi thường cho công ty P do đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT ngày 12/02/2011, tuy nhiên tại Kết luận giám định số 307 kết luận chữ ký của giám đốc LEE SANG H tại Hợp đồng kinh tế số 03 với chữ ký LEE SANG H trong tài liệu do bên công ty D cung cấp làm mẫu so sánh không phải do cùng một người ký. Hiện nay ông LEE SANG H đã về Hàn Quốc. Hợp đồng phải đảm bảo cả về chữ ký và con dấu của giám đốc công ty nguyên đơn, bị đơn thì mới có giá trị pháp lý. Các mẫu giám định do công ty D cung cấp, trong trường hợp chữ ký

mẫu chưa thật đầy đủ để làm căn cứ xác định chữ ký ông LEE SANG H thì với Biên bản hủy hợp đồng do công ty P cung cấp đã được giám định thì Hợp đồng kinh tế số 03 vẫn không có giá trị sử dụng để buộc hai bên thực hiện. Do vậy việc cấp sơ thẩm buộc công ty D bồi thường cho công ty P do đơn phương chấm dứt hợp đồng theo Hợp đồng kinh tế số 03 là chưa đủ căn cứ.

[2] Công ty P xuất trình Biên bản hủy hợp đồng có dấu hiệu bị sửa chữa, tẩy xóa ở phần chữ số mà không có đóng dấu hoặc ghi rõ trong biên bản là có việc sửa chữa. Kết luận giám định số 307 kết luận chữ ký của giám đốc HAN SEONG S tại Biên bản hủy hợp đồng và chữ ký HAN SEONG S trong tài liệu để so sánh do bên công ty D cung cấp là do cùng một người ký ra. Như vậy cả công ty D và công ty P đều xác định có ký Biên bản hủy hợp đồng và có sự tồn tại của Hợp đồng kinh tế số 03 và Hợp đồng kinh tế số 02. Tuy nhiên Hợp đồng kinh tế số 03 mà cấp sơ thẩm đã xem xét không phải là hợp đồng công ty D và công ty P đã ký kết.

[3] Theo Kết luận giám định số 307 thì nội dung nguyên thủy đã bị che phủ tại Biên bản hủy hợp đồng là: Công ty P và công ty D cùng tiến hành hủy Hợp đồng kinh tế số 03/2011/HĐKT ngày 12/02/2011 kể từ ngày 01/11/2011. Do Hợp đồng kinh tế số 02/2011/HĐKT ngày 21/01/2011 vẫn đang còn hiệu lực. Tuy nhiên Hợp đồng kinh tế số 02 chỉ được xuất trình tại cấp phúc thẩm, cấp sơ thẩm chưa xem xét. Ngoài ra theo Hợp đồng kinh tế số 02 thì công ty P cũng chưa đưa ra được yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng cụ thể là bao nhiêu.

Biên bản hủy hợp đồng có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa, không có đóng dấu tại nội dung tẩy xóa, sửa chữa. Phía công ty P cho rằng việc sửa chữa này do công ty D sửa chữa. Công ty D không thừa nhận nội dung sửa chữa, cũng không cung cấp được bản gốc Biên bản hủy hợp đồng. Ngoài ra nếu xác định nội dung Biên bản Hủy hợp đồng là tiếp tục thực hiện Hợp đồng kinh tế số 03 thì phải xác định Hợp đồng kinh tế số 03 phải là bản đúng chữ ký của ông LEE SANG H giám đốc công ty D ký, cả công ty P và công ty D đều nhất trí hủy Hợp đồng kinh tế số 02 và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 03.

Từ những nhận định, phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xác định: Tại cấp sơ thẩm các bên đương sự chưa xuất trình đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá toàn diện, khách quan giải quyết vụ án mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự thì cần thiết hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện

Cẩm Giàng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát.

[5] Do hủy bản án sơ thẩm nên phần nội dung không có kháng cáo cũng như các yêu cầu khác của các bên đương sự sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[6] Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 148; điểm b khoản 1 Điều 289; khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng đối với bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH MTV sản xuất và dịch vụ P và Công ty TNHH D Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được xác định lại khi Tòa nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trả lại Công ty TNHH D Việt Nam 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Phạm Văn D nộp thay Công ty TNHH D Việt Nam theo biên lai thu số AA/2017/0007655 ngày 27/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng Huy